

Số: 165 /2019/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **165/ TLST-HNGĐ** ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Phạm Minh N, sinh năm 1980;

ĐKKH: Thôn An Tân, xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Tổ 5, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

+ Bị đơn: Chị Lộc Thị D, sinh năm 1986;

ĐKKH và ở: Tổ 5, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,55,58,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 146 , Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326 /2016 /UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **28 tháng 3 năm 2019**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **28 tháng 3 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh N và chị Lộc Thị D;
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Minh N và chị Lộc Thị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung:** Chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quốc K, sinh ngày 12/12/2011 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N cấp dưỡng nuôi con cùng Chị D mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/3/2019 và đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, Chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh N không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên hàng tháng Anh N còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết (do các đương sự không yêu cầu);

+**Về án phí:** Anh N tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí- lệ phí sang , theo biên lai thu số 0007384 ngày 07/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND xã Linh Sơn, TPTN;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Hoàng Thúy Kiên

